

Số: 11/2024/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 29 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

(V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Chát.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 555/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2023 về “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số 59/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc:

1.1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư H, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; HKTT: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện nay: Số E, ngách B, ngõ A Dương Q, Q, Cầu G, Hà Nội và bà Hoàng Lan N, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ A Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

1.2. Anh Bùi Quý T1, sinh năm 1987; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Người được anh T1 ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; HKTT: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện nay: Số E, ngách B, ngõ A Dương Q, Q, Cầu G, Hà Nội và ông Lê Minh H1, sinh năm 1996; HKTT: Khu C, B, N, Bắc Kạn; nơi ở hiện nay: Số E, ngách B, ngõ A Dương Q, Q, Cầu G, Hà Nội.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu dân cư H, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.
(Chị H, anh T1, bà B đều vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền của chị Nguyễn Thị H, anh Bùi Quý T1 và các tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Quý T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/11/2007. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đầu năm 2014 anh T1 sang Đài Loan làm việc. Từ đó hai anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H và anh T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho hai anh chị được ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh T1 có hai con chung là Bùi Thị H2, sinh ngày 06/6/2008 và Bùi Thị Hải Y, sinh ngày 28/01/2011. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian ở nước ngoài, chị H ủy quyền cho mẹ là bà Nguyễn Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi chị H về Việt Nam. Anh chị tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T1 đều xác định không có nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H. Bà đồng ý nhận ủy quyền của chị H về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Thị H2 và cháu Bùi Thị Hải Y trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam.

Tại phiên họp, chị H, anh T1, bà B vắng mặt, đều có đơn đề nghị vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết việc dân sự: Đề nghị áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu

công nhận thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Quý T1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T1, giao 02 con chung là Bùi Thị H2, sinh ngày 06/6/2008 và Bùi Thị Hải Y, sinh ngày 28/01/2011 cho chị H nuôi dưỡng. Tạm giao cháu H2 và cháu Y cho bà Nguyễn Thị B (là bà ngoại) chăm sóc cho đến khi chị H về Việt Nam. Về vấn đề cấp dưỡng: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T1 chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị H hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Anh Bùi Quý T1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các văn bản mà chị H, anh T1 gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương gồm Đơn xin ly hôn, Giấy ủy quyền, Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt của chị H, anh T1 đều có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên được xác định là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên họp, chị H, anh T1, bà B vắng mặt, đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Quý T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/11/2007 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh T1 đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, các đương sự cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của

chị H và anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T1 đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị H2, sinh ngày 06/6/2008 và Bùi Thị Hải Y, sinh ngày 28/01/2011. Khi ly hôn, hai anh chị thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị H đang ở nước ngoài, anh chị thỏa thuận tạm giao cháu H2 và cháu Y cho bà ngoại là Nguyễn Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước, bà B nhất trí. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu H2, cháu Y, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị H và anh T1 tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị giải quyết. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T1 chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Quý T1.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Quý T1. Giao cho chị Nguyễn Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Bùi Thị H2, sinh ngày 06/6/2008 và Bùi Thị Hải Y, sinh ngày 28/01/2011 kể từ tháng 03/2024 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu H2 và cháu Y cho bà Nguyễn Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T1 tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

2. Về lệ phí: Anh Bùi Quý T1 tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000347 ngày 06/12/2023 do anh Nguyễn Văn T nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Văn Chất